

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị</b>	<b>2 - 5</b>
<b>2. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>6 - 7</b>
<b>3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
- Bảng cân đối kế toán	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 40



## CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

#### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4601039023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 19/03/2012 với số vốn điều lệ đăng ký lần đầu là 27.748.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 3 ngày 19/12/2016 vốn điều lệ của Công ty được tăng lên là 415.000.000.000 đồng (tương ứng với 4.150.000 cổ phần), hiện nay Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần thay đổi lần thứ 4 ngày 28/3/2017.

#### 2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm các vị như sau:

##### Hội đồng Quản trị:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Hoàng Tuyên	Chủ tịch	(i)
- Ông Lê Xuân Tân	Phó chủ tịch	(ii)
- Ông Nguyễn Văn Thủy	Thành viên	(iii)
- Ông Nguyễn Xuân Đôn	Thành viên	(iii)
- Ông Vũ Hồng Minh	Thành viên	(iii)
- Ông Lương Đình Hiền	Thành viên	(iv) Đến ngày 24/06/2020
- Ông Nguyễn Vũ Phương	Thành viên	(iv) Đến ngày 24/06/2020
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên	(iv) Đến ngày 24/06/2020
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Thu	Thành viên	(iv) Đến ngày 24/06/2020

(i) Ông Hoàng Tuyên được bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2025 theo Biên bản họp số 464/BBH-HĐQT ngày 09/07/2020 và Nghị quyết số 465/NQ-HĐQT ngày 09/07/2020.

(ii) Ông Lê Xuân Tân được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2025 theo Biên bản họp số 483/BBH-HĐQT ngày 09/07/2020 và Nghị quyết số 184/NQ-HĐQT ngày 16/07/2020.

(iii) Được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 24/06/2020.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm các vị như sau:

**Ban Tổng giám đốc:**

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>		
- Ông Lê Xuân Tân	Tổng Giám đốc		
- Ông Nguyễn Văn Thủy	Phó Tổng giám đốc		
- Ông Lương Đình Hiền	Phó Tổng giám đốc	(i)	Đến ngày 18/02/2020
- Ông Nông Minh Chức	Phó Tổng giám đốc	(ii)	Đến ngày 24/07/2020
- Ông Lý Quốc Toàn	Phó Tổng giám đốc	(ii)	Đến ngày 24/07/2020
- Ông Lê Xuân Thủy	Phó Tổng giám đốc	(ii)	Đến ngày 24/07/2020
- Ông Trương Đồng Tâm	Phó Tổng giám đốc	(ii)	Đến ngày 24/07/2020

(i) Theo Quyết định số 136/QĐ-HĐQT ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Hội đồng Quản trị.

(ii) Theo Nghị quyết số 498/NQ-HĐQT ngày 24/7/2020 của Hội đồng Quản trị về việc tinh gọn và cơ cấu lại Ban Tổng giám đốc Công ty.

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

**Ban Kiểm soát:**

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Vũ Văn Thành	Trưởng Ban Kiểm soát
- Bà Lê Thị Hảo	Thành viên
- Ông Hoàng Thắng	Thành viên

Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 - 2025 được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, số 417/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2020.

**Người đại diện theo pháp luật:**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo tài chính này là Ông Hoàng Tuyên - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

**3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở chính tại: số 328 Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.



**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**6. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

**7. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**8. Ý kiến của Hội đồng Quản trị**

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*Thái Nguyên, ngày 29 tháng 3 năm 2021*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

  
**HOÀNG TUYẾN**



Số: 23/2021/BCKT- PKF.NHN

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 40 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



**Nguyễn Xuân Hoà**  
Phó Tổng giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0909-2018-242-1

**Trần Hồng Giang**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3893-2017-242-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 ngày 12 tháng 2020

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>179.662.516.015</b>	<b>340.934.711.955</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	23.433.997.599	966.319.232
Tiền	111		23.433.997.599	966.319.232
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>144.313.822.432</b>	<b>335.330.388.230</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	26.497.220.293	174.118.025
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	113.659.095.273	335.021.136.734
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	4.157.506.866	135.133.471
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>11.295.172.780</b>	<b>4.638.004.493</b>
Hàng tồn kho	141		11.295.172.780	4.638.004.493
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>619.523.204</b>	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	619.523.204	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>977.432.929.206</b>	<b>539.018.492.675</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	<b>4.150.000.000</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	4.150.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>888.463.865.680</b>	<b>415.555.378.486</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	875.834.370.597	401.731.966.743
- Nguyên giá	222		913.092.760.902	418.353.627.334
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.258.390.305)	(16.621.660.591)
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	12.629.495.083	13.823.411.743
- Nguyên giá	228		14.340.000.000	14.340.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.710.504.917)	(516.588.257)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.10</b>	<b>12.122.598.786</b>	-
- Nguyên giá	231		12.406.812.824	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(284.214.038)	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.850.000.000</b>	<b>104.220.014.558</b>
Chi phí XDCB dở dang	242	5.7	3.850.000.000	104.220.014.558
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>38.500.000.000</b>	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	38.500.000.000	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>34.496.464.740</b>	<b>15.093.099.631</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	34.496.464.740	15.093.099.631
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.157.095.445.221</b>	<b>879.953.204.630</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

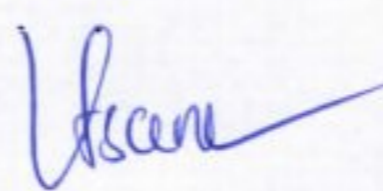
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>519.593.233.914</b>	<b>351.420.168.224</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>136.502.988.582</b>	<b>98.412.770.594</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	26.635.074.144	20.741.882.325
Người mua trả tiền trước	312	5.17	932.720.171	6.702.406.201
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	563.517.934	4.349.216.905
Phải trả người lao động	314		6.500.225.638	4.465.885.774
Chi phí phải trả	315	5.16	3.739.452.839	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	91.002.927	46.787.026
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	98.040.994.929	62.106.592.363
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>383.090.245.332</b>	<b>253.007.397.630</b>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.14	7.758.181.819	2.380.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	375.332.063.513	250.627.397.630
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>637.502.211.307</b>	<b>528.533.036.406</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.19	<b>637.502.211.307</b>	<b>528.533.036.406</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		415.000.000.000	415.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415.000.000.000	415.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		222.502.211.307	113.533.036.406
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		113.533.036.406	24.701.163.169
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		108.969.174.901	88.831.873.237
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.157.095.445.221</b>	<b>879.953.204.630</b>

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 3 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT


NGUYỄN THU THỦY

LÊ THỊ THÚY AN

HOÀNG TUYÊN



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020Mẫu số B 02 – DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	335.604.966.911	275.448.933.320
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>335.604.966.911</b>	<b>275.448.933.320</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.2	179.917.170.816	167.022.154.356
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>155.687.796.095</b>	<b>108.426.778.964</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	7.948.015	4.740.652
Chi phí tài chính	22	6.4	28.382.574.462	8.392.045.670
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		28.198.934.462	8.392.045.670
Chi phí bán hàng	25	6.5	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	15.198.967.720	6.462.577.738
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>112.114.201.928</b>	<b>93.576.896.208</b>
Thu nhập khác	31	6.6	10.051.235	13.600.000
Chi phí khác	32	6.7	145.134.170	240.754.346
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(135.082.935)</b>	<b>(227.154.346)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>111.979.118.993</b>	<b>93.349.741.862</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	3.009.944.092	4.517.868.625
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>108.969.174.901</b>	<b>88.831.873.237</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	6.10	2.626	2.141
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	6.10	2.626	2.141

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 3 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN THU THỦY

LÊ THỊ THÚY AN

HOÀNG TUYỀN



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 03 – DN

Đơn vị tính: VND

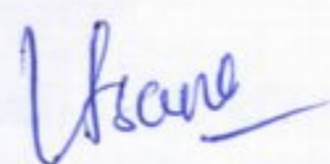
KHOẢN MỤC	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SX KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	111.979.118.993	93.349.741.862
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	22.114.860.410	5.637.184.671
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.948.015)	(4.740.652)
Chi phí lãi vay	06	28.382.574.462	8.392.045.670
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	162.468.605.850	107.374.231.551
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	191.016.565.798	(136.687.347.856)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(6.657.168.287)	(1.441.273.089)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(1.159.402.520)	46.547.311.098
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(20.022.888.313)	(12.508.731.684)
Tiền lãi vay đã trả	14	(26.419.072.113)	(8.392.045.670)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.717.868.620)	(4.987.419.870)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>292.508.771.795</b>	<b>(10.095.275.520)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(396.338.109.892)	(262.946.462.739)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(4.150.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.150.000.000	15.000.000.000
Tiền chi đầu tư vốn vào đơn vị khác	25	(38.500.000.000)	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.948.015	4.740.652
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(430.680.161.877)</b>	<b>(252.091.722.087)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	303.009.926.632	383.488.184.686
Tiền trả nợ gốc vay	34	(142.370.858.183)	(121.332.088.042)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>160.639.068.449</b>	<b>262.156.096.644</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	966.319.232	997.220.195
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	23.433.997.599	966.319.232

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 3 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT


NGUYỄN THU THỦY

LÊ THỊ THÚY AN

HOÀNG TUYÊN



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4601039023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 19/03/2012 với số vốn điều lệ đăng ký lần đầu là 27.748.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 3 ngày 19/12/2016, vốn điều lệ của Công ty được tăng lên là 415.000.000.000 đồng (tương ứng với 4.150.000 cổ phần), hiện nay Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần thay đổi lần thứ 4 ngày 28/3/2017.

Hiện nay, Công ty quản lý và cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh tại 02 Bệnh viện là: Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên, địa chỉ tại số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên (được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 134/BYT-GPHĐ ngày 27/01/2014); và Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình Thái Nguyên, địa chỉ tại xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 261/BYT-GPHĐ ngày 04/12/2019).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:**

Hoạt động chính của Công ty là: khám, chữa bệnh.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp:**

Công ty có trụ sở chính tại: số 328 Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

**Đơn vị trực thuộc:**

Công ty có 02 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là

- Chi nhánh Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên có địa chỉ tại số nhà 328, đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động Chi nhánh mã số 4601039023 – 001
- Chi nhánh Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình có địa chỉ tại xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động Chi nhánh mã số 4601039023 – 002.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 719 người (tại ngày 31/12/2019 là 532 người).

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.



*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty.

**4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Hội đồng Quản trị Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.3. Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.







Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc: 06 - 48 năm
- Máy móc thiết bị: 06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 10 - 15 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý: 10 năm

#### **4.5.2 Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Phần mềm máy tính: 08 - 20 năm

#### **4.5.3 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 46 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong Bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt



đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

#### **4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

#### **4.7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, dụng cụ y tế, vật tư y tế,... Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

#### **4.8. Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

#### **4.9. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu



hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

#### **4.10. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

#### **4.11. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được khách hàng chấp nhận.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### **4.12. Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, và các chi phí tài chính khác phát sinh trong năm tài chính.

#### **4.13. Thuế**

##### ***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Dịch vụ y tế do Công ty cung cấp không chịu thuế giá trị gia tăng. Các hoạt động khác ngoài dịch vụ y tế chịu thuế suất thuế GTGT là 10%.

##### ***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***

Thu nhập từ dịch vụ khám, chữa bệnh phát sinh tại Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (địa chỉ, số 328 Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên) được hưởng ưu đãi với mức thuế suất là 10% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 05 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Các khoản thu nhập ngoài hoạt động khám, chữa bệnh áp dụng mức thuế suất là 20%. Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 thu nhập từ hoạt động khám, chữa bệnh phát sinh tại Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên đang được giảm 50% số thuế phải nộp.

Thu nhập từ dịch vụ khám, chữa bệnh phát sinh tại Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình (địa chỉ, xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) được hưởng ưu đãi với mức thuế suất là 10% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 05 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Các khoản thu nhập ngoài



hoạt động khám, chữa bệnh áp dụng mức thuế suất là 20%. Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020, thu nhập từ hoạt động khám, chữa bệnh phát sinh tại Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình Thái Nguyên đang được miễn thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành: Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập, chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

**Các loại thuế khác:** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

#### **4.14. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

#### **4.15. Bù trừ các công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

##### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **4.16. Các bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số



149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

		31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i)	861.206.119	171.675.988
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	22.572.791.480	794.643.244
<b>Cộng</b>		<b>23.433.997.599</b>	<b>966.319.232</b>

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2020 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		861.206.119
<b>Cộng</b>		<b>861.206.119</b>

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2020 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
<b>Đồng Việt Nam</b>		<b>22.572.791.480</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên		19.772.895.920
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thái Nguyên		47.083.458
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thái Nguyên		248.690.187
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên		2.257.588.044
Các ngân hàng khác		246.533.871
<b>Ngoại tệ</b>		<b>-</b>
<b>Cộng</b>		<b>22.572.791.480</b>

**5.2 Đầu tư tài chính**

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	-	-	-	-
b) Dài hạn	38.500.000.000	-	-	-
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>				
(i) Công ty CP Bệnh viện Sản Nhi Quốc tế TNH	19.500.000.000	-	-	-
(ii) Công ty CP Bệnh viện Mắt Quốc tế TNH	19.000.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>38.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

*Chi tiết các khoản đầu tư vào Công ty liên kết:*

(i) Công ty CP Bệnh viện Sản Nhi Quốc tế TNH được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 4601569359, đăng ký lần đầu ngày 30/12/2020. Vốn điều lệ của công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là 90.000.000.000 đồng (tương ứng với 9.000.000 cổ phần), trong đó Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên nắm giữ 48% vốn điều lệ. Đến ngày kết thúc năm tài chính 2020, Công ty CP Bệnh viện Sản Nhi Quốc tế TNH vẫn đang trong quá trình góp vốn.

(ii) Công ty CP Bệnh viện Mắt Quốc tế TNH được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 4601569341, đăng ký lần đầu ngày 30/12/2020. Vốn điều lệ của công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là 70.000.000.000 đồng (tương ứng với 7.000.000 cổ phần), trong đó Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên nắm giữ 45% vốn điều lệ. Đến ngày kết thúc năm tài chính 2020, Công ty CP Bệnh viện Mắt Quốc tế TNH vẫn đang trong quá trình góp vốn.

**5.3 Phải thu khách hàng**

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>26.497.220.293</b>	<b>174.118.025</b>
Bảo hiểm xã hội Tỉnh Thái Nguyên	25.944.667.684	-
Tổng Công Ty Bảo Việt Nhân Thọ	37.150.000	68.473.000
Ngân hàng thương mại Cổ phần Tiên Phong	-	25.600.000
Công ty TNHH WIHA Việt Nam	399.186.600	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	116.216.009	80.045.025
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>26.497.220.293</b>	<b>174.118.025</b>

**5.4 Trả trước cho người bán**

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>113.659.095.273</b>	<b>-</b>	<b>335.021.136.734</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển ATC Việt Nam	12.856.646.723	-	209.499.618.051	-
Công ty Cổ phần Thăng Long HDI	-	-	3.697.563.614	-
Công ty TNHH Xuân Thủy	40.593.696.803	-	109.019.957.569	-
Các khách hàng khác	60.208.751.747	-	12.803.997.500	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>113.659.095.273</b>	<b>-</b>	<b>335.021.136.734</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chi tiết các khoản đầu tư vào Công ty liên kết:

(i) Công ty CP Bệnh viện Sản Nhi Quốc tế TNH được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 4601569359, đăng ký lần đầu ngày 30/12/2020. Vốn điều lệ của công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là 90.000.000.000 đồng (tương ứng với 9.000.000 cổ phần), trong đó Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên nắm giữ 48% vốn điều lệ. Đến ngày kết thúc năm tài chính 2020, Công ty CP Bệnh viện Sản Nhi Quốc tế TNH vẫn đang trong quá trình góp vốn.

(ii) Công ty CP Bệnh viện Mắt Quốc tế TNH được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 4601569341, đăng ký lần đầu ngày 30/12/2020. Vốn điều lệ của công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là 70.000.000.000 đồng (tương ứng với 7.000.000 cổ phần), trong đó Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên nắm giữ 45% vốn điều lệ. Đến ngày kết thúc năm tài chính 2020, Công ty CP Bệnh viện Mắt Quốc tế TNH vẫn đang trong quá trình góp vốn.

**5.3 Phải thu khách hàng**

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>26.497.220.293</b>	<b>174.118.025</b>
Bảo hiểm xã hội Tỉnh Thái Nguyên	25.944.667.684	-
Tổng Công Ty Bảo Việt Nhân Thọ	37.150.000	68.473.000
Ngân hàng thương mại Cổ phần Tiên Phong	-	25.600.000
Công ty TNHH WIHA Việt Nam	399.186.600	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	116.216.009	80.045.025
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>26.497.220.293</b>	<b>174.118.025</b>

**5.4 Trả trước cho người bán**

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>113.659.095.273</b>	<b>-</b>	<b>335.021.136.734</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển ATC Việt Nam	12.856.646.723	-	209.499.618.051	-
Công ty Cổ phần Thăng Long HDI	-	-	3.697.563.614	-
Công ty TNHH Xuân Thủy	40.593.696.803	-	109.019.957.569	-
Các khách hàng khác	60.208.751.747	-	12.803.997.500	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>113.659.095.273</b>	<b>-</b>	<b>335.021.136.734</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

*Trả trước cho người bán là các bên liên quan:*

Bên liên quan	31/12/2020	01/01/2020
	(VND)	(VND)
Công ty Cổ phần Thăng Long HDI	-	3.697.563.614
Công ty TNHH Xuân Thủy	40.593.696.803	109.019.957.569
<b>Cộng</b>	<b>40.593.696.803</b>	<b>112.717.521.183</b>

**5.5 Phải thu khác**

	31/12/2020		01/01/2020	
	(VND)		(VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) <b>Ngắn hạn</b>	<b>4.157.506.866</b>	-	<b>135.133.471</b>	-
Tạm ứng (*)	4.010.000.000	-	1.500.000	-
Phải thu khác	147.506.866	-	133.633.471	-
b) <b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.157.506.866</b>	-	<b>135.133.471</b>	-

(\*) Tạm ứng cho Ban quản lý dự án Bệnh viện đa khoa Yên Bình – giai đoạn 2.

*(Ban quản lý dự án Bệnh viện đa khoa Yên Bình – giai đoạn 2 được thành lập theo Quyết định số 2503/QĐ-HĐQT ngày 26/03/2020).***5.6 Hàng tồn kho**

	31/12/2020		01/01/2020	
	(VND)		(VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thuốc, vật tư y tế, hóa chất y tế	11.295.172.780	-	4.638.004.493	-
<b>Cộng</b>	<b>11.295.172.780</b>	-	<b>4.638.004.493</b>	-

**5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2020	01/01/2020
	(VND)	(VND)
Mua sắm:	-	-
Xây dựng cơ bản:	3.850.000.000	104.220.014.558
<i>Dự án đầu tư, xây dựng bệnh viện Đa khoa Yên Bình</i>	-	-
<i>Dự án đầu tư, xây dựng bệnh viện Quốc tế giai đoạn 2 (*)</i>	3.850.000.000	104.220.014.558
<b>Cộng</b>	<b>3.850.000.000</b>	<b>104.220.014.558</b>

(\*) Dự án xây dựng Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn 2, tại phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh theo Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn 2 đã được đưa vào sử dụng từ ngày 01/8/2020 theo Quyết định số 3107/QĐ-HĐQT ngày 31/7/2020 của Hội đồng Quản trị.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYỄN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Mẫu số B 09 – DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc, trang thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị văn phòng (VND)	Tổng cộng (VND)
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2020	300.878.731.095	108.681.474.955	8.726.706.684	66.714.600	418.353.627.334
- Mua trong năm	1.264.000.000	11.842.699.500	766.000.000	110.000.000	13.982.699.500
- Đầu tư XDCB hoàn thành	493.163.246.892	-	-	-	493.163.246.892
- Chuyển sang BĐS đầu tư	(12.406.812.824)	-	-	-	(12.406.812.824)
Số dư tại ngày 31/12/2020	782.899.165.163	120.524.174.455	9.492.706.684	176.714.600	913.092.760.902
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2020	4.695.987.806	11.067.300.717	822.657.633	35.714.435	16.621.660.591
- Khấu hao trong năm	12.055.676.933	8.036.340.742	818.817.117	10.108.960	20.920.943.752
- Chuyển sang BĐS đầu tư	(284.214.038)	-	-	-	(284.214.038)
Số dư tại ngày 31/12/2020	16.467.450.701	19.103.641.459	1.641.474.750	45.823.395	37.258.390.305
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2020	296.182.743.289	97.614.174.238	7.904.049.051	31.000.165	401.731.966.743
Tại ngày 31/12/2020	766.431.714.462	101.420.532.996	7.851.231.934	130.891.205	875.834.370.597
Nguyên giá tài sản thế chấp các khoản vay:					372.981.098.816
Giá trị còn lại tài sản thế chấp các khoản vay:					351.357.054.314



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**5.9 Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính (VND)	Tổng cộng (VND)
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2020	14.340.000.000	14.340.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2020	14.340.000.000	14.340.000.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2020	516.588.257	516.588.257
- Khấu hao trong năm	1.193.916.660	1.193.916.660
Số dư tại ngày 31/12/2020	1.710.504.917	1.710.504.917
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2020	13.823.411.743	13.823.411.743
Tại ngày 31/12/2020	12.629.495.083	12.629.495.083

**5.10 Bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Tổng cộng (VND)
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2020	-	-
- Chuyển từ TSCĐ hữu hình	12.406.812.824	12.406.812.824
Số dư tại ngày 31/12/2020	12.406.812.824	12.406.812.824
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2020	-	-
- Chuyển từ TSCĐ hữu hình	284.214.038	284.214.038
Số dư tại ngày 31/12/2020	284.214.038	284.214.038
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2020	-	-
Tại ngày 31/12/2020	12.122.598.786	12.122.598.786

**5.11 Chi phí trả trước**

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
a) Ngắn hạn	619.523.204	-
Công cụ, dụng cụ	619.523.204	-
b) Dài hạn	34.496.464.740	15.093.099.631
Công cụ, dụng cụ	34.480.328.531	14.917.623.168
Chi phí bảo hiểm, và chi phí phân bổ khác	16.136.209	175.476.463
<b>Cộng</b>	<b>35.115.987.944</b>	<b>15.093.099.631</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYỄN**  
Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09- DN

**5.12 Vay và nợ thuê tài chính**

	01/01/2020		31/12/2020			
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng trong năm (VND)	Giảm trong năm (VND)	Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>a) Góc vay ngắn hạn</b>	<b>30.049.512.713</b>	<b>30.049.512.713</b>	<b>128.020.536.469</b>	<b>115.001.333.333</b>	<b>43.068.715.849</b>	<b>43.068.715.849</b>
(i) NH Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn - CN Thái Nguyên	20.056.821.590	20.056.821.590	72.142.430.904	62.603.045.782	29.596.206.712	29.596.206.712
(ii) Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - CN Thái Nguyên	98.150.944	98.150.944	1.449.802.019	1.547.952.963	-	-
(iii) Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	9.894.540.179	9.894.540.179	16.655.723.625	18.933.328.366	7.616.935.438	7.616.935.438
(*) Vay cá nhân	-	-	15.272.579.921	9.417.006.222	5.855.573.699	5.855.573.699
<b>b) Góc vay dài hạn</b>	<b>282.684.477.280</b>	<b>282.684.477.280</b>	<b>83.887.590.163</b>	<b>27.369.524.850</b>	<b>339.202.542.593</b>	<b>339.202.542.593</b>
(iv) Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	113.523.080.740	113.523.080.740	83.887.590.163	-	197.410.670.903	197.410.670.903
(v) Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên	28.071.935.664	28.071.935.664	-	5.616.000.000	22.455.935.664	22.455.935.664
(vi) Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Thái Nguyên	11.089.460.876	11.089.460.876	-	4.188.460.876	6.901.000.000	6.901.000.000
(vii) Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	130.000.000.000	130.000.000.000	-	17.565.063.974	112.434.936.026	112.434.936.026
<b>Cộng</b>	<b>312.733.989.993</b>	<b>312.733.989.993</b>	<b>211.908.126.632</b>	<b>142.370.858.183</b>	<b>382.271.258.442</b>	<b>382.271.258.442</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYỄN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09- DN

**5.12 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)****c) Phân loại vay dài hạn đến hạn trả**

	01/01/2020		31/12/2020	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
	10.813.460.876	10.813.460.876	6.901.000.000	6.901.000.000
	-	-	16.000.000.000	16.000.000.000
	5.616.000.000	5.616.000.000	5.616.000.000	5.616.000.000
	15.627.618.774	15.627.618.774	26.455.279.080	26.455.279.080
<b>Cộng</b>	<b>32.057.079.650</b>	<b>32.057.079.650</b>	<b>54.972.279.080</b>	<b>54.972.279.080</b>

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Thái Nguyên

Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên

Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên

Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên

**d) Số dư tại thời điểm lập báo cáo tài chính**

d1 Vay ngắn hạn ( d1 = a+c)

d2 Vay dài hạn (d2 = b-c)

**Cộng****(\*) Chi tiết vay cá nhân:**

	01/01/2020	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	31/12/2020
	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
- Bà Lâm Ngọc Ánh	-	14.000.000.000	14.000.000.000	-
- Ông Bùi Trường Giang	-	8.500.000.000	8.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	-	<b>22.500.000.000</b>	<b>22.500.000.000</b>	-

Trong đó:

+ Vay Bà Lâm Ngọc Ánh theo hợp đồng vay số 140/2020/HĐV-BVQTTN ngày 05/01/2020, với lãi suất đi vay là 6%/năm kể từ ngày nhận tiền vay (Miễn lãi trong vòng 01 năm); Công ty đã trả hết gốc của khoản vay này trong kỳ tài chính.

+ Vay Ông Bùi Trường Giang theo hợp đồng vay số 141/2020/HĐV-BVQTTN ngày 07/01/2020, lãi suất đi vay là 6%/năm kể từ ngày nhận tiền vay (Miễn lãi trong vòng 01 năm); Công ty đã trả hết gốc của khoản vay này trong kỳ tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYỄN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09- DN

#### 5.12 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

- (i) Hợp đồng tín dụng số 8500LAV202001022 ngày 15/10/2020 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Thái Nguyên. Hạn mức tín dụng 29.800.000.000 VND. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ khám chữa bệnh. Thời hạn hiệu lực mức cấp tín dụng là 12 tháng, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay trong hạn được quy định cụ thể trong từng Giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn.
- (ii) Vay ngắn hạn theo hợp đồng hạn mức số: VN 119000655-004 ngày 20/3/2020 với Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên. Hạn mức tín dụng 10.000.000.000 VND. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 20/3/2020 đến ngày 20/3/2021, thời hạn khế ước nhận nợ: 06 tháng. Lãi suất cho vay: Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 03 tháng (dành cho doanh nghiệp) của các Ngân hàng quốc doanh cộng 2,7625% một năm.
- (iii) Hợp đồng cấp tín dụng số 24682.20.093.1699479.TD ngày 15/06/2020 tại Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên. Hạn mức tín dụng 1: 5.000.000.000 VND, hạn mức tín dụng 2: là 10.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng vốn vay: giải ngân thanh toán tiền lương của Công ty. Thời hạn cấp hạn mức: Từ ngày ký hợp đồng đến ngày 21/05/2021, thời gian của mỗi khoản vay trong hạn mức tối đa 04 tháng/ khế ước kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến hết ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ. Lãi suất trong hạn được quy định theo giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo nghĩa vụ trả nợ: Máy móc, thiết bị thuộc sở hữu của Công ty theo: hợp đồng kinh tế số 18/HĐKT - NMYT ngày 20/02/2019 giữa Công ty Cổ phần bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên và Công ty CP Đầu tư và Phát triển ATC Việt Nam; hợp đồng kinh tế số 19022019/HĐKT/TN-HT ngày 19/02/2019 giữa Công ty CP Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên và Hộ kinh doanh Hà Trang.
- (iv) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/5745705/HĐTD ngày 26/8/2019. Hạn mức vay: 200.000.000.000 VND. Mục đích khoản vay: Đầu tư xây dựng Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II. Thời hạn vay: 96 tháng. Lãi suất cho vay trong 12 tháng đầu tiên là 8,2%/năm, 12 tháng tiếp theo là: 8,3%/năm; lãi suất vay thời gian còn lại được thả nổi theo công thức quy định trong hợp đồng vay. Tài sản bảo đảm: Toàn bộ tài sản hình thành từ Dự án Đầu tư xây dựng Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II và các tài sản khác của Công ty phục vụ vận hành dự án.
- (v) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng cho vay số: 5956.19.093.1699479.TD ngày 05/3/2019. Hạn mức 35.000.000.000 VND. Mục đích vay: Thanh toán mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động khám chữa bệnh của Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên. Thời hạn vay tối đa 72 tháng. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tài sản bảo đảm được quy định tại Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị hình thành trong tương lai số: 6113.19.093.1699479.BĐ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYỄN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09- DN

#### 5.12 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

(vi) Hợp đồng cấp tín dụng số 8500-LAV-201300658 ngày 06/11/2013: Hạn mức tín dụng 20.000.000.000 VND. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng mua máy móc thiết bị. Hạn trả nợ cuối cùng vào 06/11/2020. Lãi suất thả nổi, xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng tại Agribank Thái Nguyên công bố tại thời điểm xác định lãi suất cộng thêm biên độ 5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp.

Hợp đồng cấp tín dụng số 8500-LAV-201400342 ngày 23/06/2014. Hạn mức tín dụng 27.000.000.000 VND. Mục đích vay để thanh toán các chi phí mua máy móc thiết bị y tế, xây dựng lắp đặt các công trình. Hạn trả nợ cuối cùng vào 09/11/2020. Lãi suất thả nổi, xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng tại Agribank Thái Nguyên công bố tại thời điểm xác định lãi suất cộng thêm biên độ 4,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp. Các giấy nhận nợ theo hợp đồng tín dụng số 8500-LAV-201300688 ngày 19/11/2013 được chuyển sang theo dõi tại hợp đồng này.

Hợp đồng cấp tín dụng số 8500-LAV-201700745 ngày 14/08/2017. Hạn mức tín dụng 700.000.000 VND. Mục đích vay để đầu tư mua Hệ thống máy siêu âm 4 chiều. Thời hạn cho vay: 60 tháng. Lãi suất thả nổi, xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng tại Agribank Thái Nguyên công bố tại thời điểm xác định lãi suất cộng thêm biên độ 3,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp.

(vii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng số: VN119000653 ngày 20/3/2019. Hạn mức cho vay 130.000.000.000 VND. Mục đích vay: Đầu tư tài sản cố định Dự án Bệnh viện Đa khoa Yên Bình – Thái Nguyên. Kỳ hạn vay: 72 tháng. Lãi suất vay: Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng cộng (+) 3,5% một năm. Biện pháp bảo đảm:

- Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai trên Thửa đất số 563 tại Xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CQ 026290 do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp.
- Máy móc, thiết bị hình thành trong tương lai thuộc quyền sở hữu của Bên vay/ bên thứ ba nhằm mục đích triển khai và vận hành dự án.
- Máy móc, thiết bị, tài sản đã hình thành thuộc quyền sở hữu của Bên vay/ bên thứ ba nhằm mục đích triển khai và vận hành dự án.
- Các Quyền tài sản phát sinh từ Dự án nhằm mục đích triển khai, thực hiện và vận hành Dự án.
- Các tài sản khác được hình thành từ vốn vay của Bên Cho vay, bao gồm các tài sản, quyền tài sản đã, đang và sẽ hình thành từ vốn vay của Bên Cho vay; các tài sản, quyền tài sản thay thế, bổ sung, luân chuyển, tài sản hình thành từ vốn vay và nguồn thu hình thành từ phương án vay.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYỄN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09- DN

**Trái phiếu phát hành**

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Lãi suất năm Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất năm Kỳ hạn
- Mệnh giá	91.101.800.000	12% 24 tháng	-	-
- Chiết khấu	-	-	-	-
- Phụ trội	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>91.101.800.000</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

Năm 2020, Công ty thực hiện phát hành Trái phiếu riêng lẻ, việc phát hành này được Hội đồng Quản trị Công ty thông qua tại Nghị Quyết số 564/2020/NQ-HĐQT ngày 17/08/2020.

Thông tin trái phiếu:

Trái phiếu phát hành bằng Đồng Việt Nam có tổng mệnh giá phát hành tối đa 150 (một trăm năm mươi) tỷ đồng, đáo hạn năm 2022 ("Trái phiếu") xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không được đảm bảo bởi Tổ chức phát hành và không phải là nợ thứ cấp của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (Tổ chức phát hành). Trái phiếu không chuyển đổi được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ, mỗi trái phiếu có mệnh giá 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng).

Lãi Trái phiếu: Lãi suất danh nghĩa: 12%/năm; Trái phiếu được hưởng lãi kể từ và bao gồm Ngày phát hành cho đến nhưng không bao gồm ngày tròn 24 tháng kể từ Ngày phát hành ("Ngày đáo hạn"), trừ trường hợp Trái phiếu được mua lại trước hạn. Tiền lãi Trái phiếu được trả sau 03 (ba) tháng một lần, vào các ngày tròn 03 (ba) tháng kể từ ngày phát hành.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mẫu số B 09 – DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**5.13 Phải trả người bán**

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) <b>Ngắn hạn</b>	<b>26.635.074.144</b>	<b>26.635.074.144</b>	<b>20.741.882.325</b>	<b>20.741.882.325</b>
Công ty Cổ phần Dược Phẩm và Thiết bị y tế Á Châu	2.574.312.122	2.574.312.122	980.270.309	980.270.309
Hợp tác xã Thủy Tinh Dân Chủ	3.850.000.000	3.850.000.000	-	-
Công ty TNHH Công nghệ điện tử-phần mềm và viễn thông LIFETEK	-	-	5.250.000.000	5.250.000.000
Công ty TNHH Tư vấn thiết kế XD Sông Đà Việt Đức	437.286.462	437.286.462	2.437.286.462	2.437.286.462
Hộ kinh doanh TBYT Việt Hà - Phan Thị Chung	3.150.000.000	3.150.000.000	3.150.000.000	3.150.000.000
Hộ kinh doanh Phạm Thị Hiền	933.864.800	933.864.800	-	-
Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Tây	2.635.250.000	2.635.250.000	258.000.000	258.000.000
Công ty CP TM và dịch vụ thiết bị y tế HTM	810.000.000	810.000.000	125.400.000	125.400.000
Công ty CP trang TBYT Đại Dương	570.000.000	570.000.000		
Các khách hàng khác	11.674.360.760	11.674.360.760	8.540.925.554	8.540.925.554
b) <b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>26.635.074.144</b>	<b>26.635.074.144</b>	<b>20.741.882.325</b>	<b>20.741.882.325</b>

**5.14 Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
a) <b>Ngắn hạn</b>	-	-
b) <b>Dài hạn</b>	<b>7.758.181.819</b>	<b>2.380.000.000</b>
Cho thuê mặt bằng	7.758.181.819	2.380.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.758.181.819</b>	<b>2.380.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYỄN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 – DN

**5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2020 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020 (VND)
<b>a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>4.349.216.905</b>	<b>5.239.861.508</b>	<b>9.025.560.479</b>	<b>563.517.934</b>
Thuế giá trị gia tăng	243.918.993	1.174.697.494	1.406.966.034	11.650.453
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.014.085.485	3.009.944.092	6.717.868.620	306.160.957
Thuế thu nhập cá nhân	91.212.427	639.729.222	485.235.125	245.706.524
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	410.490.700	410.490.700	-
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
<b>b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế (kể từ khi đi vào hoạt động đến thời điểm kết thúc năm tài chính 2020 này, Công ty chưa được Cơ quan thuế thực hiện quyết toán thuế). Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**5.16 Chi phí phải trả**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Ngắn hạn	3.739.452.839	-
Chi phí lãi vay	3.739.452.839	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	<u>3.739.452.839</u>	<u>-</u>

**5.17 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	932.720.171	932.720.171	6.702.406.201	6.702.406.201
Bảo hiểm xã hội Tỉnh Thái Nguyên	-	-	6.699.244.508	6.699.244.508
Khách hàng khác	932.720.171	932.720.171	3.161.693	3.161.693
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	<u>932.720.171</u>	<u>932.720.171</u>	<u>6.702.406.201</u>	<u>6.702.406.201</u>

**5.18 Phải trả khác**

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
a) Ngắn hạn	91.002.927	46.787.026
Kinh phí công đoàn	91.002.927	46.787.026
b) Dài hạn	-	-
Cộng	<u>91.002.927</u>	<u>46.787.026</u>

**5.19 Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	LNST chưa phân phối (VND)	Tổng cộng (VND)
Số dư tại ngày 01/01/2019	350.000.000.000	89.701.163.169	439.701.163.169
Tăng vốn trong năm trước	65.000.000.000	-	65.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	88.831.873.237	88.831.873.237
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	(65.000.000.000)	(65.000.000.000)
Số dư tại ngày 01/01/2020	<u>415.000.000.000</u>	<u>113.533.036.406</u>	<u>528.533.036.406</u>
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	108.969.174.901	108.969.174.901
Phân phối lợi nhuận	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	<u>415.000.000.000</u>	<u>222.502.211.307</u>	<u>637.502.211.307</u>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mẫu số B 09 – DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Chi tiết số dư vốn góp của các cổ đông**

	<b>31/12/2020</b>	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	<b>(Tỷ lệ)</b>	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Ông Hoàng Tuyên	9,64%	40.000.000.000	79.725.800.000
Ông Nguyễn Văn Thủy	5,65%	23.464.000.000	23.464.000.000
Ông Nguyễn Xuân Hiệp	4,34%	18.000.000.000	18.000.000.000
Ông Nguyễn Xuân Đôn	3,97%	16.473.000.000	16.473.000.000
Ông Lê Xuân Tân	3,83%	15.882.000.000	15.882.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thu	3,73%	15.460.000.000	37.460.000.000
Ông Lâm Tuấn Kiệt	3,27%	13.567.000.000	2.600.000.000
Bà Vũ Thị Hân	3,31%	13.725.800.000	-
Ông Hoàng Khắc Tiệp	3,25%	13.500.000.000	-
Bà Phạm Thị Hiền	3,13%	13.000.000.000	-
Bà Phùng Thị Thông	3,00%	12.450.000.000	12.450.000.000
Các Cổ đông khác	52,88%	219.478.200.000	208.945.200.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>415.000.000.000</b>	<b>415.000.000.000</b>

**Cổ phiếu**

	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
<b>Số lượng CP đăng ký phát hành</b>	<b>41.500.000</b>	<b>45.000.000</b>
<b>Số lượng CP đã bán ra công chúng</b>	<b>41.500.000</b>	<b>45.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	41.500.000	45.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>41.500.000</b>	<b>45.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	41.500.000	45.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.



## 6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Doanh thu dịch vụ khám chữa bệnh	334.899.902.569	275.448.933.320
Doanh thu khác	705.064.342	-
<b>Cộng</b>	<b>335.604.966.911</b>	<b>275.448.933.320</b>

### 6.2 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	179.917.170.816	167.022.154.356
<b>Cộng</b>	<b>179.917.170.816</b>	<b>167.022.154.356</b>

### 6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Lãi tiền gửi	7.948.015	4.740.652
<b>Cộng</b>	<b>7.948.015</b>	<b>4.740.652</b>

### 6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Lãi tiền vay	28.198.934.462	8.392.045.670
Chi phí phát hành trái phiếu	183.640.000	-
<b>Cộng</b>	<b>28.382.574.462</b>	<b>8.392.045.670</b>

### 6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>15.198.967.720</b>	<b>6.462.577.738</b>
Chi phí nhân viên	10.982.339.858	4.461.263.005
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	542.781.387	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	-
Thuế phí và lệ phí	415.490.700	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.181.859.701	962.773.704
Chi phí khác bằng tiền	1.076.496.074	1.034.541.029
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>15.198.967.720</b>	<b>6.462.577.738</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**6.6 Thu nhập khác**

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Thu nhập khác	10.051.235	-
Thanh lý nhượng bán TSCĐ	-	13.600.000
<b>Cộng</b>	<b>10.051.235</b>	<b>13.600.000</b>

**6.7 Chi phí khác**

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Các khoản nộp phạt	145.134.170	240.754.346
<b>Cộng</b>	<b>145.134.170</b>	<b>240.754.346</b>

**6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	111.979.118.993	93.349.741.862
Các khoản điều chỉnh tăng/ giảm	145.134.170	248.531.836
- Chi phí không được trừ	145.134.170	248.531.836
Tổng thu nhập chịu thuế	112.124.253.163	93.598.273.698
Thu nhập miễn thuế	54.040.564.349	3.240.901.198
Thu nhập tính thuế	58.083.688.814	90.357.372.500
Trong đó:		
- Thu nhập tính thuế theo thuế suất 10% (dịch vụ y tế)	57.378.624.472	90.357.372.500
- Thu nhập tính thuế theo thuế suất 20% (dịch vụ khác)	705.064.342	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.009.944.092	4.517.868.625
Trong đó:		
- Dịch vụ y tế (sau khi giảm 50%)	2.868.931.224	4.517.868.625
- Dịch vụ khác	141.012.868	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.009.944.092</b>	<b>4.517.868.625</b>

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
<b>a) Chi phí sản xuất, KD theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57.596.272.207	27.199.286.525
Chi phí nhân công	94.821.877.486	33.561.282.311
Chi phí khấu hao TSCĐ	22.114.860.410	5.637.184.671
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.309.522.775	104.069.788.827
Chi phí khác bằng tiền	2.273.605.657	3.017.189.760
<b>b) Các khoản ghi giảm chi phí</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>195.116.138.535</b>	<b>173.484.732.094</b>



**6.10 Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN</b>	<b>108.969.174.901</b>	<b>88.831.873.237</b>
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	108.969.174.901	88.831.873.237
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	41.500.000	41.500.000
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.626</b>	<b>2.141</b>

**7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****7.1 Báo cáo bộ phận**

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ là dịch vụ khám, chữa bệnh, do đó không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào 31 tháng 12 năm 2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra tại tỉnh Thái Nguyên nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

**7.2 Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Hội đồng quản trị thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**(i) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị



trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro về giá cổ phiếu*

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty đầu tư cổ phiếu vào một số các Bệnh viện có cùng các rủi ro. Đây là cổ phiếu đầu tư dài hạn và chưa được niêm yết nên Công ty đánh giá mức độ nhạy cảm đối với biến động về giá cổ phiếu này là thấp.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Hội đồng quản trị cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm (VND)	Trên 1 năm (VND)	Tổng cộng (VND)
<b>Ngày 31/12/2020</b>			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.433.997.599	-	23.433.997.599
Phải thu khách hàng	26.497.220.293	-	26.497.220.293
Đầu tư	-	38.500.000.000	38.500.000.000
Phải thu khác	117.816.602.139	-	117.816.602.139
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>167.747.820.031</b>	<b>38.500.000.000</b>	<b>206.247.820.031</b>
<b>Ngày 31/12/2019</b>			
Các khoản vay và nợ	98.040.994.929	375.332.063.513	473.373.058.442
Phải trả người bán	26.635.074.144	-	26.635.074.144
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	11.826.919.509	7.758.181.819	19.585.101.328
<b>Tổng cộng</b>	<b>136.502.988.582</b>	<b>383.090.245.332</b>	<b>519.593.233.914</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>31.244.831.449</b>	<b>(344.590.245.332)</b>	<b>(313.345.413.883)</b>
<b>Ngày 01/01/2020</b>			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	966.319.232	-	966.319.232
Phải thu khách hàng	174.118.025	-	174.118.025
Đầu tư	-	4.150.000.000	4.150.000.000
Phải thu khác	335.156.270.205	-	335.156.270.205
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>336.296.707.462</b>	<b>4.150.000.000</b>	<b>340.446.707.462</b>
<b>Ngày 01/01/2020</b>			
Các khoản vay và nợ	62.106.592.363	250.627.397.630	312.733.989.993
Phải trả người bán	20.741.882.325	-	20.741.882.325
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	15.564.295.906	2.380.000.000	17.944.295.906
<b>Tổng cộng</b>	<b>98.412.770.594</b>	<b>253.007.397.630</b>	<b>351.420.168.224</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>237.883.936.868</b>	<b>(248.857.397.630)</b>	<b>(10.973.460.762)</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYỄN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 – DN

Giá trị hợp lý: Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ (VND)		Giá trị hợp lý (VND)	
	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu	144.313.822.432	335.330.388.230	144.313.822.432	335.330.388.230
<i>Phải thu khách hàng, phải thu khác</i>	144.313.822.432	335.330.388.230	144.313.822.432	335.330.388.230
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	23.433.997.599	966.319.232	23.433.997.599	966.319.232
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	23.433.997.599	966.319.232	23.433.997.599	966.319.232
<i>Tài sản khác</i>	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>167.747.820.031</b>	<b>336.296.707.462</b>	<b>167.747.820.031</b>	<b>336.296.707.462</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	473.373.058.442	312.733.989.993	473.373.058.442	312.733.989.993
Phải trả người bán	26.635.074.144	20.741.882.325	26.635.074.144	20.741.882.325
Phải trả khác	19.585.101.328	17.944.295.906	19.585.101.328	17.944.295.906
<b>Tổng cộng</b>	<b>519.593.233.914</b>	<b>351.420.168.224</b>	<b>519.593.233.914</b>	<b>351.420.168.224</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2020 và ngày 01/01/2020. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**7.3 Thông tin về các bên có liên quan**Các bên liên quan:

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Thu nhập của Ban Tổng giám đốc và HĐQT	3.239.986.587	1.513.684.358
<b>Cộng</b>	<b>3.239.986.587</b>	<b>1.513.684.358</b>

Giao dịch mua phát sinh năm 2020:

	Mối quan hệ	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Mua của Công ty CP Thăng Long HDI	Cùng thành viên lãnh đạo	-	957.597.214
+ (Chi tiết: Mua vật tư, hóa chất, công cụ y tế)		-	957.597.214
Mua của Công ty TNHH Xuân Thủy	Cùng thành viên lãnh đạo	227.320.347.500	291.306.235.850
+ (Chi tiết: Giá trị thi công xây lắp công trình Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn 2)		227.320.347.500	291.306.235.850
<b>Cộng</b>		<b>227.320.347.500</b>	<b>292.263.833.064</b>

**7.4 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**7.5 Thông tin so sánh**

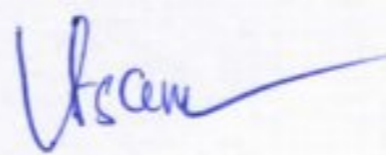
Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 3 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT


NGUYỄN THU THỦY

LÊ THỊ THÚY AN

HOÀNG TUYỀN